

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẢI DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **130/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 01/8/2022

“V/v Ly hôn, nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Mai Hoa.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hoàn.

Bà Mai Thị Thảo.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Ngọc Anh - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương: Bà Phạm Thị
Quyên - Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 8 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 141/2022/TLST-HNGĐ ngày 17/5/2022, về việc *“Ly hôn, nuôi con chung”* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 161/2022/QĐXX-HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 112/2022/QĐ-ST ngày 14 tháng 7 năm 2022, giữa:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Ng, sinh năm 1996

HKTT: Thôn Lâm Xuyên, xã PĐ, huyện NS, tỉnh Hải Dương.

Hiện ở: Thôn Tổng Xá, xã TQ, huyện NS, tỉnh Hải Dương (có đơn xin xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1991

Địa chỉ trước khi xuất cảnh: Thôn Lâm Xuyên, xã PĐ, huyện NS, tỉnh Hải Dương.

Địa chỉ hiện nay: Nhật Bản (vắng mặt tại phiên tòa).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1967 và bà Nguyễn Thị Nh, sinh năm 1968

Địa chỉ: Thôn Lâm Xuyên, xã PĐ, huyện NS, tỉnh Hải Dương (có đề nghị xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn xin ly hôn, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Ng trình bày:

- *Về quan hệ vợ chồng*: Chị và anh Nguyễn Văn T được tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã PĐ, huyện NS, tỉnh Hải Dương vào ngày 28/4/2015. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống hạnh phúc với nhau được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân của mâu thuẫn là do tính tình không hợp, bất đồng quan điểm sống, vợ chồng hay xảy ra cãi nhau. Tháng 8/2017, anh T sang Nhật Bản xuất khẩu lao động, đến tháng 3/2018, chị cũng sang Nhật Bản nhưng hai vợ chồng ở hai nơi khác nhau. Tháng 5/2018, anh T trốn khỏi công ty ra ngoài làm. Chị cũng tìm cách khuyên bảo, thuyết phục anh T nhưng anh T không nghe, vợ chồng ngày càng phát sinh nhiều mâu thuẫn. Gia đình hai bên có biết về mâu thuẫn của vợ chồng chị, có can thiệp hòa giải nhưng không có kết quả. Tháng 3/2022, chị về nước, anh T vẫn ở lại Nhật Bản, vợ chồng sống ly thân kể từ đó đến nay, không còn quan tâm hay liên lạc gì với nhau. Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

- *Về con chung*: Chị và anh T có 01 con chung là Nguyễn Tùng D, sinh ngày 03/3/2016, hiện cháu đang ở cùng anh T và ông bà nội. Chị hiện đang đi làm ăn xa nên không đủ điều kiện để chăm sóc được cho con. Để ổn định cuộc sống cũng như học tập của con, chị nhất trí để anh T được tiếp tục nuôi con, ông bà nội sẽ hỗ trợ anh T chăm sóc con cho đến khi anh T về nước, chị không phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng anh T.

- *Về tài sản chung, nợ chung*: Vợ chồng không có tài sản chung và nợ chung nên không đề nghị Tòa án giải quyết.

* Bị đơn: Trong quá trình giải quyết vụ án do chị Ng không cung cấp được địa chỉ của anh T tại Nhật Bản nên Tòa án đã xác minh qua gia đình anh T, đồng thời yêu cầu gia đình cung cấp địa chỉ của anh T. Ông Nguyễn Văn T1 và bà Nguyễn Thị Nh là bố mẹ đẻ anh T xác định: Anh T hiện làm ăn, sinh sống tại Nhật Bản nhưng ông, bà không biết địa chỉ cụ thể của anh T nên không cung cấp được cho Tòa án. Tuy nhiên, anh T thường xuyên liên lạc về gia đình. Ông bà đồng ý nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và có trách nhiệm thông báo cho anh T biết. Ông bà xác định về quan hệ vợ chồng, quan hệ con chung, quan hệ về tài sản giữa vợ chồng chị Ng, anh T như chị Ng trình bày là đúng. Việc chị Ng làm đơn xin ly hôn với anh T, ông bà đã thông báo cho anh T biết. Quan điểm của anh T nhất trí ly hôn theo đề nghị của chị Ng và có nguyện vọng tiếp tục nuôi con, anh T tự nguyện không yêu cầu chị Ng phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng

anh T. Do hiện nay anh T đang ở Nhật Bản, anh T chưa về nước được và đề nghị ông bà tiếp tục hỗ trợ anh T chăm sóc, nuôi dưỡng con đến khi anh T về nước, ông bà nhất trí.

Chị Ng có đơn xin xét xử vắng mặt và có quan điểm giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Bị đơn anh T vắng mặt tại phiên tòa không có lý do.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T1 và bà Nguyễn Thị Nh đề nghị xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên ý kiến đã trình bày trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương phát biểu quan điểm:

Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ các tài liệu có trong hồ sơ đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị Ng được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

- Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Tùng D, sinh ngày 03/3/2016 cho anh Nguyễn Văn T chăm sóc, nuôi dưỡng đến khi con chung trưởng thành. Ông Nguyễn Văn T1 và bà Nguyễn Thị Nh hỗ trợ anh T chăm sóc, nuôi dưỡng cháu cho đến khi anh T về nước. Chấp nhận sự tự nguyện của anh T không yêu cầu chị Ng phải cấp dưỡng cho con.

- Về án phí: Chị Ng phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hải Dương, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Chị Nguyễn Thị Ng có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương giải quyết ly hôn giữa chị với anh Nguyễn Văn T. Anh T hiện đang sinh sống và lao động tại Nhật Bản. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a

khoản 1 Điều 37 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương.

Trong quá trình giải quyết vụ án, chị Ng không cung cấp được địa chỉ của anh T tại Nhật Bản. Theo hướng dẫn tại Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao, Tòa án nhân dân tỉnh Hải Dương đã yêu cầu chị Ng và gia đình anh T cung cấp địa chỉ nhưng chị Ng và gia đình anh T đều không cung cấp được. Do vậy, áp dụng Công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân Tối cao, Tòa án tiến hành giải quyết vụ án theo thủ tục cổ tình giấu địa chỉ.

Tại phiên tòa, chị Ng, ông T1 và bà Nh có đơn xin xét xử vắng mặt, anh T vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 xét xử vắng mặt chị Ng, anh T, ông T1 và bà Nh.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Ng và anh Nguyễn Văn T được tự do tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã PD, huyện NS, tỉnh Hải Dương vào ngày 28/4/2015 là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, hai bên không quan tâm đến nhau. Nay chị Ng xác định tình cảm vợ chồng không còn và đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T. Thông qua gia đình, anh T có quan điểm nhất trí ly hôn theo yêu cầu của chị Ng. Xét thấy thực tế anh T và chị Ng không chung sống cùng nhau từ nhiều năm và không còn quan tâm đến nhau, mâu thuẫn của chị Ng và anh T đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, việc chị Ng xin ly hôn anh T là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình nên được chấp nhận.

[2.2]. Về quan hệ con chung: Chị Ng và anh T có 01 con chung là Nguyễn Tùng D, sinh ngày 03/3/2016, hiện nay cháu Dương đang ở cùng anh T, ông T1 và bà Nh. Sau khi ly hôn chị Ng và anh T đều thống nhất giao con cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng. Anh T hiện chưa về nước có đề nghị ông T1 và bà Nh chăm sóc con cho đến khi chị về nước, ông T1 và bà Nh nhất trí. Xét thực tế, cháu Dương đang ở cùng ông T1 và bà Nh, do ông T1 và bà Nh chăm sóc hàng ngày. Do vậy, cần chấp nhận sự thỏa thuận của anh T và chị Ng giao con chung cho anh T nuôi dưỡng và ông T1, bà Nh chăm sóc con giúp anh T trong thời gian anh T chưa về nước.

Chấp nhận sự tự nguyện của anh T không yêu cầu chị Ng phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Chị Ng có quyền thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở là phù hợp với quy định tại Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2.3]. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về án phí: Chị Ng phải chịu toàn bộ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng: Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự; Luật phí và lệ phí số 97/2015/QH 13 ngày 25/11/2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

[1]. Về quan hệ vợ chồng: Xử cho chị Nguyễn Thị Ng được ly hôn anh Nguyễn Văn T.

[2]. Về con chung: Giao cho anh Nguyễn Văn T nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Tùng D, sinh ngày 03/3/2016, thời gian từ tháng 8/2022 đến khi con chung thành niên. Ông Nguyễn Văn T1 và bà Nguyễn Thị Nh có trách nhiệm chăm sóc cháu Dương trong thời gian anh T chưa về nước. Chấp nhận sự tự nguyện của anh Nguyễn Văn T không yêu cầu chị Nguyễn Thị Ng phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung cùng anh.

Chị Nguyễn Thị Ng có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

[3]. Về án phí: Chị Nguyễn Thị Ng phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Ng đã nộp là 300.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2021/0000364 ngày 17/5/2022 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hải Dương (Chị Ng đã thực hiện xong nghĩa vụ án phí).

[4]. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị Ng, ông Nguyễn Văn T1 và bà Nguyễn Thị Nh vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật; Anh Nguyễn Văn T vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Hải Dương;
- Các đương sự;
- Cục THADS tỉnh Hải Dương;
- UBND xã PĐ, huyện NS, tỉnh Hải Dương;
- Lưu HS, VP, Tòa GD&NCTN.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Mai Hoa